

UBND XÃ SI PA PHÌN
TRƯỜNG MN SI PA PHÌN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 131/BC-MNSPP

Si Pa Phìn, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Kết quả hoạt động của Trường Mầm non Si Pa
Phìn năm học 2025 - 2026

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Si Pa Phìn
2. Địa chỉ: Bản Nậm Chim 1, xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên
3. Địa chỉ thư điện tử: Cổng hoặc trang thông tin điện tử:
<https://mnsipaphin.nampo.edu.vn>
4. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập. Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND xã Si Pa Phìn
5. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

5.1. Sứ mạng

Xây dựng một môi trường giàu tình yêu thương, môi trường học tập an toàn, thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng phát triển theo phương châm “trẻ là trung tâm trong quá trình nuôi dạy” để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh, lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

5.2. Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường là “Trường mầm non Hạnh phúc, tôn trọng quyền trẻ em”; Chúng tôi cam kết tiên phong trong việc tạo dựng một nền giáo dục vì hòa bình, hạnh phúc của trẻ, nuôi dưỡng tâm hồn và tôn trọng sự phát triển tự nhiên của mỗi trẻ; Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

Xây dựng hệ thống trường lớp đạt chuẩn Quốc gia về giáo dục và nuôi dưỡng, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất cũng như kỹ năng sống của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trẻ không ngừng phát triển các mối quan hệ tự nhiên

và xã hội xung quanh mình, từ đó kích thích sự tò mò, ham thích khám phá, mong muốn tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ, điều này giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, có khả năng tư duy sáng tạo, phát triển về kiến thức, nhân cách một cách toàn diện.

5.3. Mục tiêu của nhà trường

- Nuôi dưỡng cho bé tâm hồn giàu cảm xúc, giàu tình yêu thương cho chính bản thân mình và cho mọi người là mục tiêu hàng đầu.
- Chăm cho trẻ phát triển thể chất khỏe mạnh, linh hoạt, dẻo dai và ưa hoạt động rèn luyện sức khỏe.
- Kích thích trẻ phát triển nhận thức đi cùng phát triển khả năng tư duy nhạy bén và óc sáng tạo.
- Hình thành tính tự lập, lòng tự tin, mạnh dạn thể hiện con người chân thật của mình, thực hành khả năng lựa chọn và ra quyết định.
- Tập cho bé nếp sống văn minh: cư xử lịch sự & tôn trọng mọi người, biết xếp hàng chờ, yêu thương & sẻ chia, để rác đúng chỗ, tình yêu thiên nhiên & phong cách sống tôn trọng đối với môi trường tự nhiên...

6. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Mầm non Si Pa Phìn được thành lập theo quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 của UBND huyện Mường Chà, trên cơ sở tách ra từ trường Tiểu học Si Pa Phìn. Nhà trường đóng trên địa bàn Bản Nậm Chim 1, xã Si Pa Phìn, Điện Biên

Trường có 57 CB, GV, NV trong đó: Ban giám hiệu: 03; giáo viên: 47; nhân viên: 7 (Trong đó Bảo vệ hợp đồng 01; Nhân viên nấu ăn hợp đồng 03). 100% giáo viên của nhà trường có trình độ đào tạo đạt chuẩn, trên chuẩn đạt 100%, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp: 44/47 đạt 93,6%, trong đó giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 05/47 đạt 10,6%; cấp huyện 18/47 đạt 38,3%; cấp trường 21/47 đạt 44,6%. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần tự lực, tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Cơ sở, vật chất của nhà trường: Tổng số phòng học: 25 phòng. Trong đó, kiên cố 21 bán kiên cố 4 tạm 0 phòng, công trình nước sạch 8 công trình; số sân chơi được bổ sung đồ chơi ngoài trời 8 sân. Tổng số bếp nấu ăn cho trẻ: 1 bếp. Trong đó: Kiên cố 0, bán kiên cố: 1 bếp, tạm: 0 bếp. Tổng số phòng chức năng: 11 phòng (trong đó: 4 phòng kiên cố và 7 phòng bán kiên cố). Sân chơi có đủ các loại đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, láng si măng đảm bảo yêu cầu vui chơi của trẻ. Có bồn hoa, cây cảnh, cây bóng mát, cây ăn quả được

cắt tỉa và chăm sóc thường xuyên, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện.

Công tác quản lý: Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lối làm việc trong nhà trường, thực hiện công khai kế hoạch làm việc, công khai tài chính, công khai chất lượng chuyên môn của giáo viên; Hiệu trưởng có kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và triển khai thực hiện đảm bảo kế hoạch.

Hơn 19 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Năm học 2014-2015: Nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên tặng bằng khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc. Công đoàn giáo dục Huyện Mường Chà tặng giấy khen;

Năm học 2015-2016: Nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc. Công đoàn giáo dục huyện tặng giấy khen;

Năm học 2016 - 2017: Nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc; Công đoàn giáo dục huyện tặng giấy khen;

Năm học 2017-2018: Nhà trường được UBND huyện công nhận tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động tiên tiến;

Năm học 2018-2019: Nhà trường tiếp tục được UBND huyện tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động tiên tiến;

Năm học 2019-2020: Nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên tặng bằng khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc. Và được UBND tỉnh Điện Biên công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1; Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên đánh giá, công nhận lại trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2;

Năm học 2020-2021: Nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động tiên tiến

Chi bộ nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ trong sạch vững mạnh; năm 2024 chi bộ nhà trường đạt chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu;

Trong những năm qua nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong khu vực;

Năm học 2021-2022: Nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên tặng bằng khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh;

Năm học 2022-2023: Nhà trường được Huyện tặng giấy khen;

Năm học 2023-2024: Nhà trường được UBND huyện công nhận

tập thể lao động tiên tiến và tặng giấy khen;

Năm học 2024–2025: Nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên tặng cờ thi đua và công nhận tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh;

Chi bộ nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”;

Trong những năm qua nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong khu vực.

6. Thông tin người đại diện liên hệ

Người đại diện: Lương Vũ Ngọc Duyên, chức vụ Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng, số ĐT: 0828605666, địa chỉ thư điện tử sipaphinmamnon@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Si Pa Phìn, bản Nậm Chim 1, xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

Trường Mầm non Si Pa Phìn được thành lập theo quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 13 tháng 10 năm 2006 của UBND huyện Mường Chà, trên cơ sở tách ra từ trường Tiểu học Si Pa Phìn. Nhà trường đóng trên địa bàn Bản Nậm Chim 1, xã Si Pa Phìn, Điện Biên

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022 kiện toàn lại các ủy viên trong Hội đồng gồm có các thành viên sau:

Hội đồng trường gồm 13 thành viên có tên sau:

Danh sách Hội đồng trường MN Si Pa Phìn

Bà Lương Vũ Ngọc Duyên- Hiệu trưởng - Chủ tịch hội đồng trường
Bà Lò Thị Hà- Phó hiệu trưởng

Bà Lương Thị Phương Chiều - Phó hiệu trưởng

Bà Vàng Thị Thành - Tổ trưởng tổ Bé

Bà Trần Thị Phương -Tổ trưởng tổ MGL

Bà Cao Bích Kiều - Tổ phó tổ MGL

Bà Lò Thị Thu - Tổ phó tổ MGB

Bà Lò Việt Hà - Giáo viên - Bí thư ĐTNCSHCM

Bà Hoàng Thị Hoa - Tổ trưởng tổ Nhà trẻ 2

Bà Đinh Thị Ánh Tuyết - Giáo viên

Ông Nguyễn Hà - Ban đại diện CMHS
 Ông Lò Văn Bình - Nhân viên y tế học đường
 Đại diện lãnh đạo UBND xã Si Pa Phìn

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân Xã Si Pa Phìn về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý đối với bà: Lương Vũ Ngọc Duyên - Hiệu trưởng trường mầm non Si Pa Phìn;

Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân Xã Si Pa Phìn về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý đối với bà Lương Thị Phương Chiêu giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mầm non Si Pa Phìn;

Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 19/7/2025 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân Xã Si Pa Phìn về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý đối với bà Lò Thị Hà giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường mầm non Si Pa Phìn;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và sơ đồ tổ chức của nhà trường

- Quy chế tổ chức và hoạt động

Trường Mầm non Si Pa Phìn là cơ sở giáo dục Mầm non của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Trường được ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ quản lý. Chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Pồ.

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường bao gồm: Tổ chức và quản lý nhà trường; tổ chức hoạt động giáo dục; nhiệm vụ và quyền của giáo viên, nhân viên; nhiệm vụ và quyền của học sinh; tài sản và tài chính của nhà trường; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của trường:

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất

lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

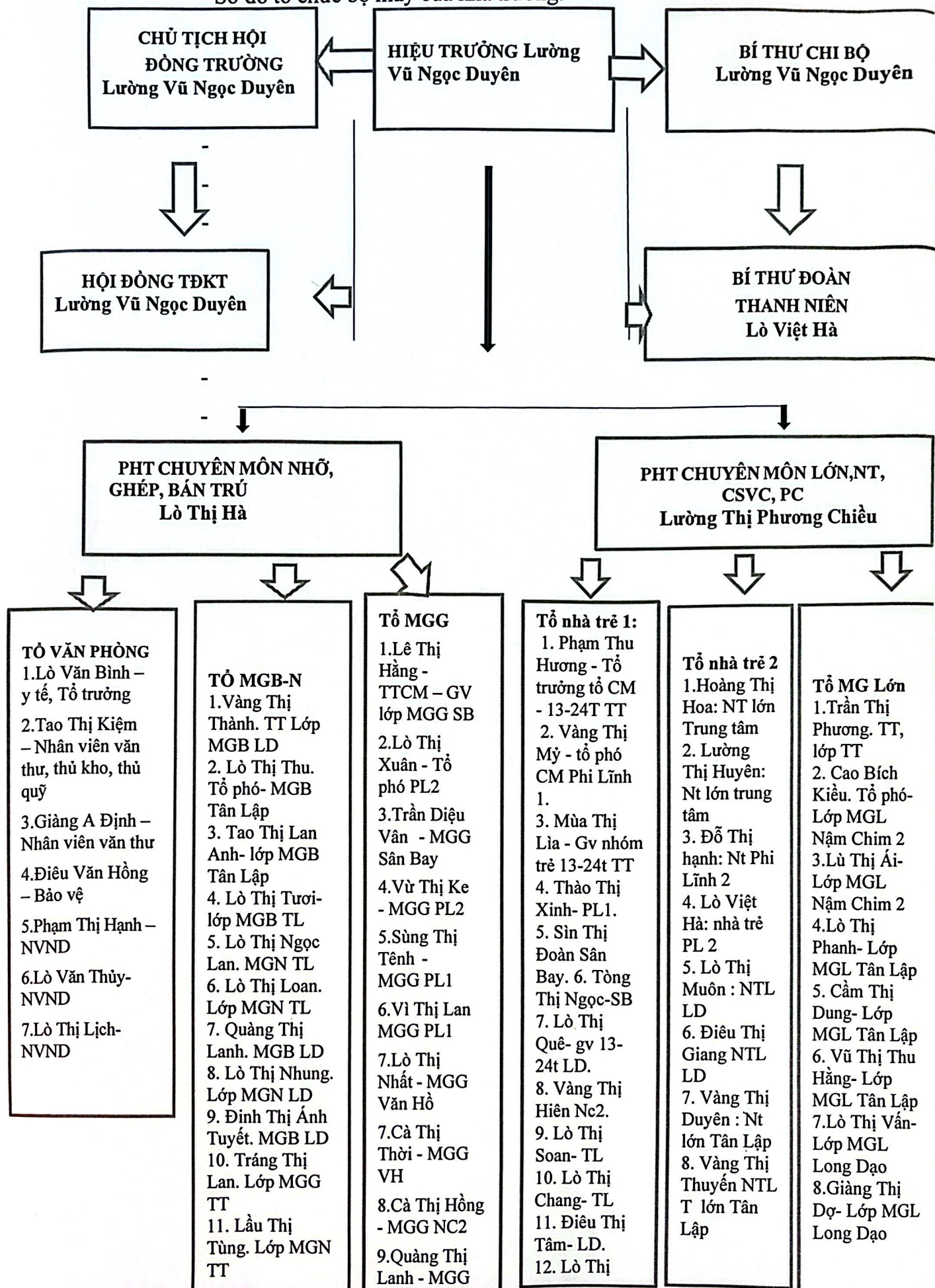
+ Chi bộ gồm: Bí thư, Phó bí thư và 3 Chi ủy viên.

+ Cán bộ quản lý: Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng.

+ 05 Tổ chuyên môn: Tổ mẫu giáo Lớn, tổ mẫu giáo bé, tổ MGG, 2 tổ nhà trẻ và 01 tổ văn phòng.

+ Hội đồng trường: Chủ tịch và các thành viên

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



e) Thông tin của người đứng đầu nhà trường

Bà Lường Vũ Ngọc Duyên, chức vụ Hiệu trưởng, số ĐT: 0828605666, địa chỉ thư điện tử sipaphinmamnon@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Si Pa Phìn, bản Nậm Chim 1, xã Si Pa Phìn, tỉnh Điện Biên

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

+ Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường;

+ Người được bổ nhiệm hiệu trưởng phải đạt tiêu chuẩn theo quy định;

+ Hiệu trưởng trường công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bổ nhiệm; Nhiệm kỳ của hiệu trưởng là 05 năm. Sau 05 năm, hiệu trưởng được đánh giá và có thể bổ nhiệm lại hoặc công nhận lại. Hiệu trưởng công tác tại một trường công lập không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

+ Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; có trách nhiệm giải trình khi cần thiết.

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ quản lý theo quy định; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển giáo viên, giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

+ Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

+ Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; quyết định khen thưởng.

+ Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn hoặc tổ văn phòng; trực tiếp tham gia các hoạt động giáo dục 02 giờ trong một tuần; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo

quy định.

+ Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục; phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

8. Các văn bản khác của nhà trường

Nhà trường đã ban hành các văn bản hành chính về thực hiện nhiệm vụ:

Quyết định số 01/QĐ-MNSPP, ngày 03/1/2025/QĐ-MNSPP về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Kế hoạch chiến lược và phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 (Số 90/KH-MNSPP, ngày 10/09/2025); KH phát triển nhà trường: (Số 86/KH-MNSPP, ngày 04/9/2025); Kế hoạch số 87/KH-MNSPP ngày 04/9/2025 về Kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học năm học 2025-2026. Kế hoạch số 88/KH-MNSPP ngày 08/09/2025 về kế hoạch tự đánh giá trường mầm non năm học 2025-2026; Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: 89/QĐ-MNSPP ngày 09/09/2025; Quyết định số 89^a/QĐ-MNSPP, ngày 10/9/2025 quyết định về việc ban hành quy chế tiếp công dân của trường mầm non Si Pa Phìn;

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

Stt	Nội dung	Năm học 2024-2025							Năm học 2025-2026						
		Tổng số	Trình độ đào tạo						Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC		TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên	53	0	0	47	4	2	0	56	0	0	48	6	2	0
I	Vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	47			43	4			49			43	6		
1	GVMN hạng I	0							0						
2	GVMN hạng II	4			4				4			4			
3	GVMN hạng III	43			39	4			45			39	6		
4	Hỗ trợ GD người khuyết tật	0							0						

II	Vị trí lãnh đạo quản lý	3			3				3				3			
1	Hiệu trưởng	1			1				1				1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2				2				2			
III	Chuyên môn dùng dùng chung															
1	Kế toán	0				0			1				1			
2	Y tế học đường	1					1		1						1	
IV	Vị trí hỗ trợ, phục vụ															
1	Nhân viên bảo vệ	1						1	1							1
2	Nhân viên nấu ăn	2							3							

(Nhà trường hợp đồng làm việc 03 nhân viên nấu ăn phục vụ công tác nấu ăn bán trú cho trẻ tại trường).

2. Số lượng Cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

		Năm học 2024-2025					Năm học 2025-2026				
St t	Nội dung	Tổng số CBQL, GV	Tốt	Khá	Đạt	C.đạt	Tổng số CBQL, GV	Tốt	Khá	Đạt	C.đạt
1	CBQL	3	3								
2	Giáo viên	47	39	8							
Tổng số		50	42	8							

3. Số lượng, tỷ lệ Cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng theo quy định

Stt	Đối tượng	Kết quả bồi dưỡng			
		Năm học 2024-2025		Năm học 2025-2026	
		Hoàn thành	Tỉ lệ%	Hoàn thành	Tỉ lệ%

1	Cán bộ quản lý	3/3	100	3/3	100
2	Giáo viên	47/47	100	49/49	100
Tổng số		47	100	49	100

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng (Diện tích)	Bình quân	Đạt/chưa đạt so với quy định
I	Diện tích đất			
1	Trung tâm trường	5.523 m ²	60 m ² /trẻ	Đạt
2	Điểm trường Phi Lĩnh 1	835,7 m ²	24,5 m ² /trẻ	Đạt
3	Điểm trường Phi Lĩnh 2	444,3 m ²	13,6 m ² /trẻ	Đạt
4	Điểm trường Sân Bay	430m ²	13,6 m ² /trẻ	Đạt
5	Điểm trường Văn Hồ	271,8 m ²	8,1 m ² /trẻ	Đạt
6	Điểm trường Long Đạo	446,9 m ²	5,9 m ² /trẻ	Đạt
7	Điểm trường Nậm Chim 2	1.319,8 m ²	17,5 m ² /trẻ em	Đạt
8	Điểm trường Tân Lập	746 m ²	5,8 m ² /trẻ em	Đạt
II	Các khối phòng			
1	Hành chính quản trị			
1.1	Phòng Hiệu trưởng	16 m ²		Đạt
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	16 m ²		Đạt
1.3	Văn phòng trường	16 m ²		Đạt
1.4	Phòng nhân viên	20 m ²		Đạt
1.5	Phòng Bảo vệ	9 m ²		Đạt
1.6	Khu Vệ sinh CBGV, NV	12 m ²		Đạt
1.7	Khu để xe CBGVNV	30 m ²		Đạt
2	Khối phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ em			
2.1	Phòng nuôi dưỡng CSGD trẻ em	887,8 m ²	1,6m ² /trẻ	Đạt
2.2	Phòng GD, Nghệ thuật	60 m ²	0,24 m ² /trẻ	Đạt
2.3	Phòng GD Thể chất	60 m ²	0,29 m ² /trẻ	Đạt

2.4	Khu Thư viện	60 m ²	0,24 m ² /trẻ	Đạt
2.5	Sân chơi riêng	1.668 m ²	3 m ² /trẻ	Đạt
3	Khối phòng tổ chức ăn			
3.1	Nhà bếp	168,8m ²	0,4 m ² /trẻ	Đạt
3.2	Kho bếp	45 m ²		Đạt
4.	Khối phụ trợ			
4.1	Phòng họp	45 m ²		Đạt
4.2	Phòng Y tế	45 m ²		Đạt
4.3	Nhà kho	45 m ²		Đạt
4.4	Sân vườn	2.699 m ²	4,8 m ² /trẻ	Đạt
4.5	Cổng hàng rào	1967 m ²		Đạt
5	Hạ tầng kỹ thuật			
5.1	Hệ thống cấp nước sạch	8		Đạt
5.2	Hệ thống cấp điện	8		Đạt
5.3	Hệ thống PCCC	8		Đạt
5.4	Hạ tầng thông tin liên lạc	8		Đạt
5.5	Thu gom rác thải	8		Đạt
III	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi (Đơn vị tính: bộ)	25	Số bộ/nhóm (lớp)	Đạt
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	25	1bộ//1 nhóm lớp	Đạt
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0		
IV	Đồ chơi ngoài trời, thiết bị phục vụ giáo dục khác			
1	Đồ chơi ngoài trời	40	5 bộ/sân chơi (điểm trường)	Đạt
2	Thiết bị phục vụ giáo dục khác	25	1 bộ/nhóm (lớp)	
2.1	Ti vi	7	(Trung tâm: 4, Nậm chim2: 1, Tân Lập : 1, Long Đạo: 1)	
2.2	Máy PHOTO COPY	1	Phòng nhân viên	
2.3	Máy tính	4	Xách tay: 2, bàn 2	
2.4	Loa	1	Trung tâm	

2.5	Máy chiếu	4	Trung Tâm: 3, Tân Lập: 1	
2.6	Máy lọc nước	4	Trung tâm 2, Nậm chim 2: 1; Tân lập: 1	
2.7	Năng lượng mặt trời	2	Trung tâm: 2	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá và kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

Để công tác tự đánh giá và Đánh giá ngoài được thực hiện theo đúng tinh thần hướng dẫn của các văn bản. Hội đồng tự đánh giá Trường Mầm non Si Pa Phìn đã tiến hành rà soát, tự đánh giá đúng quy trình tại Thông tư 13/VBHN- BGDĐT ngày 31/12/2024 của Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Kết quả tự đánh giá cụ thể như sau:

* Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chuẩn 4				

Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1 đạt (5 tiêu chuẩn và 22 tiêu chí).

Mức 2 đạt (5 tiêu chuẩn và 21 tiêu chí).

Mức 3 đạt (5 tiêu chuẩn và 10 tiêu chí).

*** Đánh giá tiêu chí mức 4**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

Kết quả: đạt 02/06 tiêu chí.

Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non tự đánh giá kiểm định chất lượng Cấp độ 2, đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

b) Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Thực hiện quy trình đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, nhà trường đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động giáo dục. Chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành.

Sau khi thực hiện tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã xác định điểm mạnh, điểm yếu theo từng tiêu chí, trên cơ sở đó nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu với các biện pháp cụ thể; kết quả sau cải tiến chất lượng nhà trường cơ bản đã khắc phục được hầu hết các điểm yếu đã chỉ ra.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

a) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục qua các mốc thời gian:

- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, trường đạt kiểm định chất

lượng giáo dục cấp độ 2: Theo Quyết định số 976/QĐ-SGDĐT ngày 30/07/2025 của SGDĐT tỉnh Điện Biên.

b) Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài

Sau kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục năm 2025, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và phát huy điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu mà đoàn đánh giá ngoài đã chỉ ra.

- Đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định hiện hành, nhà trường vẫn duy trì kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Năm học 2024-2025			Năm học 2025-2026		
		Tổng số	Nhà trẻ	Mẫu giáo	Tổng số	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tổng số trẻ em, nhóm lớp	555	180	375	608	207	401
1	Tổng số nhóm lớp	23	9	14	25	10	15
1.1	Nhóm/lớp đơn	15	7	8	20	10	10
1.2	Lớp ghép 3-4 tuổi	2	0	2	1	0	1
1.3	Lớp ghép 3-4-5 tuổi	6	0	6	4	0	4
2	Tổng số trẻ em	555	182	373	608	207	401
2.1	Trẻ em nhóm/lớp đơn	555	182	373	405	141	264
2.2	Trẻ em nhóm trẻ ghép 13-36 tháng				66	66	0
	Trẻ em lớp ghép 3-4 tuổi	75	0	75	35	0	35
2.2	Trẻ em lớp ghép 3-4-5 tuổi	95	0	95	102	0	102
II	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	342	80	262	608	207	401
III	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	342	80	262	608	207	401

IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	555	182	373	608	207	401
1	Theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	555	182	373	608	207	401
1.1	Số trẻ cân nặng bình thường	532	170	362	575	197	379
1.2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	23	12	11	32	10	22
1.3	Số trẻ có chiều cao bình thường	531	170	361	572	195	377
1.4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	24	12	12	36	12	24
1.5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0	0	0	0	0
1.6	Số trẻ thừa cân, béo phì	0	0	0	0	0	0
2	Kiểm tra sức khỏe định kỳ	555	182	373	608	207	401
V	Kết quả thực hiện hiện phổ cập GD cho trẻ em 5 tuổi						
1	Huy động trẻ MG 5 tuổi trên địa bàn ra lớp	128		128	137		137
2	Trẻ MG 5-6 tuổi học tại trường hoàn thành chương trình GDMN	149	0	149	128		128
VI	Số trẻ em khuyết tật	0	0	0	0	0	0

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2025)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2024)
A	TỔNG THU	8.318.570.000	13.374.815.322
I	Thu ngân sách	8.318.570.000	13.374.815.322
1	Nguồn chi thường xuyên	6.903.570.000	11.786.296.822

2	Nguồn chi không thường xuyên	1.415.000.000	1.588.518.500
II	Thu giáo dục và đào tạo	0	0
1	Học phí		
2	Thu khác	0	0
IV	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	8.206.709.800	13.106.195.594
I	Chi lương, thu nhập	6.417.234.048	10.035.959.319
1	Chi lương, thu nhập của CBGVNV	6.384.950.641	9.977.659.707
2	Chi lương, thu nhập cho NLĐ	32.283.407	58.299.612
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	486.335.952	1.552.138.075
1	Chi cho đào tạo	11.500.000	173.725.616
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ	25.243.218	178.397.410
4	Chi phí chung và chi khác	449.592.734	1.200.015.049
III	Chi hỗ trợ người học	1.024.165.000	1.334.455.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	1.024.165.000	1.334.455.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	278.974.800	183.643.200
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (C= A-B)	111.860.200	268.619.728

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.1 Học phí

Đối tượng	ĐVT	Mức thu	
		Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực I	Đồng/tháng	0	0
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực II	Đồng/tháng	0	0
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực III	Đồng/tháng	0	0

2.2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ HĐCSGD khác, nguồn VĐTT

STT	Tên khoản thu	ĐVT	Mức thu	
			Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm báo cáo (Năm 2025)
1	Dịch vụ ăn bán trú	Ngày/học sinh	Không thu	Không thu
2	Dịch vụ trông trưa	Ngày/học sinh	3.000	3.000
3	Dịch vụ vệ sinh	Năm/học sinh	90.000	90.000
4	Dịch vụ cung cấp nước uống	Năm/học sinh	Không thu	Không thu
5	Nguồn VĐTT	Năm/học sinh	Tùy tâm	Tùy tâm

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

ĐVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm trước năm báo cáo (Năm 2024)	năm báo cáo (Năm 2025)
1	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/ND_CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	408	370
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000

	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	526.050.000	277.200.000
2	Chính sách CBMGHP theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		
	Tổng số học sinh được phê duyệt		
	CBMGHP		
	Trong đó + Mức MG 100%	490	495
	+ Mức Miễn giảm 50%		
	+ Mức Miễn giảm 70%	297	300
	Tổng số tiền MGC BHP	42.787.500	69.252.500
3	Chính sách Hỗ trợ ăn trưa theo NĐ 105/2020/NĐ-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	410	390
	+ Định mức hỗ trợ	160.000	160.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	558.880.000	834.400.000
	+ lớp ghép	141.525.000	103.725.000
	+ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh	108.000.000	108.000.000
4	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 238/2025/NĐ CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:		575
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:		344.250.000
5	Chính sách CBMGHP theo NĐ 238/2025		
	Tổng số học sinh được phê duyệt		
	CBMGHP		
	Trong đó + Mức MG 100%		600
	+ Mức Miễn giảm 50%		
	+ Mức Miễn giảm 70%		
	Tổng số tiền MGC BHP		59.875.000

6	Chính sách Hỗ trợ ăn trưa theo NĐ 66/2024/NĐ-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:		808
	+ Định mức hỗ trợ		360.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:		290.880.000
	+ Tiền mua đồ dùng bán trú		9.120.000

2.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

STT	Tên khoản thu	Số dư Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2025)
1	Dịch vụ trông trưa	88.713.000	101.802.000
2	Dịch vụ vệ sinh	41.100.000	26.950.000

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm học 2025-2026, với tinh thần đoàn kết và sự nỗ lực phấn đấu, nhà trường đã đạt được một số kết quả nổi bật sau:

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; nội quy, quy chế của nhà trường, của phòng giáo dục.

- 100% giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp 41/47 đạt 87,3%, trong đó giáo viên dạy giỏi cấp huyện 17/47 đạt 36,1%, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh 5/47 đạt 10,6%.

- Kết quả tự đánh giá, xếp loại theo chuẩn hiệu trưởng trong trường mầm non: Tổng số CBQL: 03 người; có 03 CBQL được đánh giá, xếp loại trong đó: Mức tốt 3/3 tỷ lệ 100%.

- Kết quả đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non: Tổng số giáo viên 47 người; có 47 giáo viên tự đánh giá, xếp loại. Trong đó: Xếp loại tốt 39/47 tỷ lệ 83%, khá 08/47 đạt 17%.

- Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt và vượt mức chỉ tiêu được giao, cụ thể: Mẫu giáo đạt 100%, nhà trẻ đạt 63. Duy trì số lượng đạt 100%; tỷ lệ trẻ chuyên cần đạt trên 97%.

- Chất lượng chăm sóc trẻ thời điểm tháng 12/2025:

+ Về cân nặng: Trẻ kênh bình thường: 576/608 đạt 94,7% ; Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 32/608 chiếm 5,3%

+ Về chiều cao: Trẻ kênh bình thường: 572/608 đạt 94,5% ; Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 36/608 chiếm 5,5%.

- Thực hiện tốt đề án 06 với 100% học sinh được đồng bộ cơ sở dữ liệu và 100% học sinh nộp học phí, chi trả chế độ chính sách không dùng tiền mặt.

- Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, góp phần duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trên địa bàn xã năm 2025. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho thực hiện phổ cập mẫu giáo 3-5 tuổi.

- Nhà trường đã duy trì, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

- Thực hiện tốt việc xây dựng trường mầm non xanh- an toàn - thân thiện; xây dựng trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích; trường học hạnh phúc; không có tai nạn thương tích xảy ra trong nhà trường.

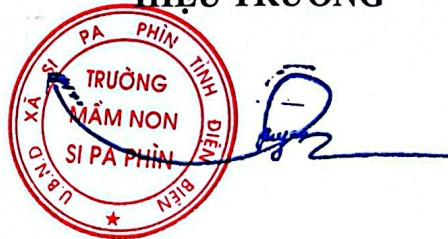
- Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đã huy động được nhiều nguồn lực vật chất tài trợ cho nhà trường để cải tạo cảnh quan môi trường và tu sửa cơ sở vật chất.

Trên đây là Báo cáo thường niên về kết quả hoạt động của Trường Mầm non Si Pa Phìn tính đến tháng 12 năm học 2025 - 2026. Báo cáo này được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của nhà trường để CBQL, GV, NV, phụ huynh học sinh và các bên liên quan biết./.

Nơi nhận:

- Phòng VH - XH (b/c);
- UBND Si Pa Phìn (b/c);
- Website trường;
- Lưu trường.

HIỆU TRƯỞNG



Lường Vũ Ngọc Duyên